**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | **Tổng** | | | | **% tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | |
| **Số CH** | | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** | |
| **1** | **Giới thiệu chung về trồng trọt** | Giới thiệu về trồng trọt | 4 | 3 | 2 | | 3 |  | |  |  | |  | 11 |  | | 11,25 | **27,5** |
| Cây trồng và các yếu tố chính trong trồng trọt | 3 | 2,25 | 2 | | 3 |  | |  |  | |  |
| **2** | **Đất trồng và giá thể trồng cây** | Giới thiệu về đất trồng | 3 | 2,25 | 2 | | 3 |  | |  |  | |  | 17 | 2 | | 33,75 | **72,5** |
| Sử dụng cải tạo và bảo vệ đất trồng | 3 | 2,25 | 2 | | 3 | 1 | | 5 |  | |  |
| Giá thể trồng cây | 2 | 1,5 | 3 | | 4,5 | 1 | | 10 |  | |  |
| Thực hành: Xác định độ chua, độ mặn của đất | 1 | 0,75 | 1 | | 1,5 |  | |  |  | |  |
| **Tổng** | | | **16** | 12 | **12** | | 18 | **2** | | 15 |  | |  | **28** | **2** | | 45 |  |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | | **30** | | | **30** | | |  | |  | |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | | | **30** | | | | |  | | |  | **100** |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị**  **kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Giới thiệu chung về trồng trọt** | Giới thiệu về trồng trọt | **Nhận biết:**  - Nêu đ­ược vai trò và triển vọng của trồng trọt trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0  **Thông hiểu:**  - Phân tích được thành tựu của ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt ở Việt Nam và thế giới. | 4 (C1, C2,C3,  C4) | 2(C5, C6) |  |  |
| Cây trồng và các yếu tố chính trong trồng trọt | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm giống cây trồng, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của cây trồng.  **Thông hiểu:**  - Phân loại được giống cây trồng theo nguồn gốc đặc tính sinh vật học, mục đích sử dụng cây trồng | 3 (C7, C8, C9) | 2(C10,  C11) |
| **2** | **Đất trồng và giá thể trồng cây** | Giới thiệu về đất trồng | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm đất trồng  - Trình bày được các thành phần và vai trò cơ bản của đất trồng.  **Thông hiểu:**  - Phân biệt được keo đất âm và keo đất dương  - Phân tích được thành phần cơ giới của đất | 3(C12, C13,  C14) | 2 (C15, C16) | (Phần tự luận: C1, C2) |  |
| Sử dụng cải tạo và bảo vệ đất trồng | **Nhận biết:**  - Kể tên các phương pháp sử dụng và bảo vệ đất trồng  - Trình bày được một số biện pháp cải tạo đất chua, đất mặn đất xám bạc màu  **Thông hiểu:**  - Giải thích được vai trò của mỗi bước trong quy trình cải tạo đất trồng  **Vận dụng:** Vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất thực tế, cải tạo một số loại đất trồng ở địa phương | 3 (C17, C18,  C19) | 2 (C20, C21) |
| Giá thể trồng cây | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm giá thể trồng cây  - Nêu được lợi ích của giá thể trồng cây.  **Thông hiểu:**  - So sánh ưu nhược điểm của giá thể than bùn và giá thể mùn cưa  - Trình bày đặc điểm chung các bước sản xuất giá thể hữu cơ tự nhiên.  **Vận dụng**  - Liên hệ các loại giá thể phù hợp cho một số đối tượng cây trồng phổ biến ở địa phương em. | 2 (C22,  C23) | 3 (C24-C25,  C26) |
| Thực hành: Xác định độ chua, độ mặn của đất | **Nhận biết:**  - Kể tên các dụng cụ để xác định độ chua và độ mặn của đất  **Thông hiểu:**  - Trình bày được các phương pháp xác định độ chua, độ mặn của đất  **Vận dụng:**  - Biện pháp cải tạo đất mặn, đất chua ở gia đình và địa phương. | 1 (C27) | 1 (C28) |
| **Tổng** | | |  | **16** | **12** | **2** |  |

**c. Đề kiểm tra, đáp án và hướng dẫn chấm**

|  |  |
| --- | --- |
| ĐỀ CHÍNH THỨC | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023**  **Môn: Công nghệ - Lớp 10**  *Thời gian làm bài*: 45 phút  *không tính thời gian phát đề* |

Họ và tên học sinh: .........................................................................Lớp 10:..............

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm )**

**Câu 25.** Nội dung nào không phải là ý nghĩa của việc sử dụng giá thể trồng cây:

A. Cây trồng khỏe, sinh trưởng và phát triển tốt, sạch bệnh

B. Tạo nguồn nông sản sạch

C. An toàn cho người sử dụng

D. Không cần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật

**Câu 26.** Những nội dung nào là đặc điểm chung sản xuất giá thể hữu cơ tự nhiên?

1. Tập kết nguyên liệu

2. Phối trộn và ủ

3 Kiểm tra chất lượng, đóng gói và vận chuyển đến nơi tiêu thụ

4. Nghiền vật liệu đã thu gom, nặn thành viên

A. 1,2 4 B. 1,2 3 C. 1,3, 4 D. 2, 3, 4

**Câu 27.** Cho biết đất phèn có thành phần cơ giới nặng, đất rất chua và có ?

A. pH < 7 B. pH > 7 C. pH < 4 D. pH > 4

**Câu 28.** Đất phèn thường không có ở vùng nào?

A. Vùng đầm lầy B. Vùng trung du miền núi phía Bắc

C. Cửa sông có địa hình trũng D. Rừng ngập mặn

**II. Phần tự luận (3 điểm)**

**Câu 1. (2 điểm)** Trình bày ưu điểm của một số loại giá thể hữu cơ tự nhiên? Đề xuất loại giá thể phù hợp cho một số đối tượng cây trồng phổ biến ở địa phương em?

**Câu 2. ( 1 điểm)** Tại sao khi cải tạo đất xám bạc màu cần phải bón phân? Em hãy đề xuất cụ thể một số loại phân thường dùng trong cải taoh đất xám bạc màu?

|  |  |
| --- | --- |
| ĐỀ CHÍNH THỨC | **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023Môn thi: CÔNG NGHỆ 10** |

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| **Đáp án** | D | C | D | D | D | D | B | A | C | D | C | C | B | C |
| **Câu** | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| **Đáp án** | A | C | A | A | A | B | A | C | D | C | D | B | C | B |

**\* Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm II. Phần tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **(2 điểm)** | \* Ưu điểm của một số loại giá thể hữu cơ tự nhiên:  - Giá thể than bùn: xốp, nhẹ, thoáng khí, giữ ẩm tốt, khó bị rửa trôi.  - Giá thể mùn cưa: Giúp đất tơi, xốp, ổn định nhiệt, cung cấp dinh dưỡng.  - Giá thể trấu hun: Sạch, tơi, xốp, giữ nước, giữ phân tốt, không có nấm bệnh và vi khuẩn  - Giá thể xơ dừa:Nhẹ, tơi, xốp, thoáng khí, giữ và duy trì độ ẩm tốt, thoát nước nhanh.  \* Đề xuất loại giá thể phù hợp cho một số đối tượng cây trồng phổ biến ở địa phương em:  - HS nêu được địa phương em đa số trồng trọt những loại cây trồng chủ yếu nào, có đặc điểm gì phù hợp với việc sử dụng các loại giá thể tự nhiên.  - Đề xuất các loại giá thể cụ thể phù hợp với các loại cây trồng ở địa phương. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,5  0,5 |
| **Câu 2**  **( 1 điểm)** | \* Tại sao khi cải tạo đất xám bạc màu cần phải bón phân:  - Đất xám bạc màu là loại đất có tầng canh tác mỏng, thành phần cơ giới nhẹ, nghèo chất dinh dưỡng, đất chua, vi sinh vật có ích hoạt động kém. Vì vậy cần bón phân hữu cơ, phân vô cơ, phân xanh vừa cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng vừa vừa nâng cao độ phì nhiêu của đất, giúp cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt, cho năng suất cao.  \* Đề xuất cụ thể một số loại phân thường dùng trong cải taọ đất xám bạc màu:  - Phân hữu cơ: phân chuồng ủ hoai mục, trùn quế…  - Phân xanh: thân lá bó thành bó nhỏ vùi đất, cây xanh băm ngắn ủ với phân chuồng…  - Phân vô cơ: sử dụng hợp lí | 0,5  0,5 |